



*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Quách Tất L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Văn H – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

### **3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Văn K - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Quách Tất L - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt

3.2. Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Bùi Văn H1 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Văn H2 - Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Dũng T - Luật sư Văn phòng luật sư Trần Dũng T và cộng sự thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt

3.3. Công ty TNHH MTV 2/9 Hòa Bình; địa chỉ: Khu 2, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND tỉnh Hòa Bình và Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình:* Ông Nguyễn Văn S - Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình. Có mặt; Ông Lưu Văn T - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.4. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y T

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu C – Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y T. Có mặt.

3.5. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1957 và chị Đinh Thị Lệ N, sinh năm 1989; cùng địa chỉ: Khu phố I, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bà C, chị N:* Ông Tạ Huy H, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố T N, thị trấn H T, huyện Y T, tỉnh Hòa Bình. Có mặt

### **4. Người kháng cáo:** Ông Phạm Văn T

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 20-8-2020, 02-10-2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 14-5-2021, quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn T, ông Tạ Huy H là người đại diện theo ủy quyền của ông T trình bày:

Ngày 01-8-2008, ông Phạm Quốc T và Nông trường 2/9 Hoà Bình, nay là Công ty TNHH MTV 2/9 Hoà Bình (gọi tắt là Công ty 2/9) ký Hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp; diện tích 9.485m<sup>2</sup> trong đó, đất chè kinh doanh là 2.995m<sup>2</sup>, đất trồng vải nhãn là 6.490m<sup>2</sup>; thời gian từ ngày 20-7-2008 đến hết chu kỳ kinh doanh của cây trồng (không quá 30 năm đối với cây lâu năm, không quá 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm).

Ngày 29-6-2011, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Y T ban hành Thông báo số 147/TB-UBND thu hồi đất thực hiện xây dựng Khu công nghiệp (gọi tắt KCN) L T, huyện Y T, diện tích 113,7 ha (khu 36, 30 ha và khu 77, 40 ha) do Công ty 2/9 Hoà Bình quản lý giao khoán cho các hộ. Biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất ngày 08-9-2011, hộ gia đình ông Phạm Văn T bị thu hồi tổng diện tích 8.322,6m<sup>2</sup> đất, trên đất có tài sản và các loại cây, trong đó có 2.449 cây Na dai mới trồng dưới 01 năm.

Ngày 23-12-2016, UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND, thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng KCN L T và Quyết định số 2732/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (gọi tắt GPMB) đối với khu đất 77, 40 ha. Biểu tổng hợp bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 4), ông Phạm Văn T bị thu hồi 8.322,6m<sup>2</sup>; được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại là 49.935.600đ, hỗ trợ tài sản trên đất là 492.171.300đ, các chính sách hỗ trợ: 684.679.350đ; tổng cộng 1.226.786.250đ. Tại biểu chi tiết bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 4) khu đất 77,4ha kèm theo biên bản chi trả tiền ngày 10-8-2018 thể hiện: Ông Phạm Quốc T được bồi thường tổng cộng 1.226.786.250đ, trong đó: Na dai mới trồng tại 05 thửa, tổng cộng 2.449 cây, giá 5.000đ/cây, hệ số 1,0; thành tiền là 12.245.000đ; hỗ trợ đào tạo nghề và tìm kiếm việc làm 8.322,6 m<sup>2</sup> nhóm CLN, đơn giá 60.000đ, hệ số 1,0 thành tiền là 499.356.000đ; hỗ trợ ổn định sản xuất 8.322,6 m<sup>2</sup> nhóm CLN, đơn giá 60.000đ, hệ số 0,1 thành tiền là 49.935.600đ, hỗ trợ khác do ngừng sản xuất từ năm 2012-2016, diện tích 8.322,6 m<sup>2</sup>, giá 2.759m<sup>2</sup>, hệ số 5,9 thành tiền 114.435.000đ.

Ngày 10-02-2018, ông Phạm Văn T đã nhận tiền bồi thường là 1.092.000.000đ. Không đồng ý, ngày 20-6-2019 ông T khiếu nại:

Thứ nhất: Đề nghị được bồi thường thiệt hại do Công ty 2/9 vi phạm hợp đồng đã ký ngày 01-08-2008, đề nghị được đền bù thời gian còn lại về đất khi Nhà nước thu hồi đất khoán.

Thứ hai: Cây Na đã kiểm đếm năm 2011 là 30.000đ/ cây, năm 2016 bị áp giá theo cây trong vườn ươm là 5.000đ/ cây, đề nghị được áp giá 43.000đ/cây như đã công bố năm 2014.

Thứ ba: Khiếu nại việc chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với mức 2.5 lần giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

Thứ tư: Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng bằng 100% giá đất nông nghiệp (hệ số 01) như đã công bố năm 2014.

Thứ năm: Được bồi thường thiệt hại do việc ngừng sản xuất của các lô đất trong năm 2011 đã được đo đạc, kiểm đếm nhưng đến năm 2016 mới có quyết định thu hồi đất

Ngày 01-10-2019, Chủ tịch UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 1908/QĐ-UBND (*gọi tắt là Quyết định số 1908*) giải quyết đơn khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần đầu), nội dung: Thừa nhận nội dung khiếu nại thứ 5; không thừa nhận nội dung khiếu nại thứ 1, 2, 3, 4. Không đồng ý Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T, ông T khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.

Ngày 31-3-2020, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND (*gọi tắt là Quyết định số 680*) giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần hai), nội dung: Đối với khiếu nại thứ nhất, việc tranh chấp giữa các hộ và Nông trường 2/9 đề nghị hộ ông T có đơn khởi kiện tại Tòa án; không thừa nhận nội dung khiếu nại thứ 2, 3, 4; thừa nhận nội dung thứ 5.

Ngày 02-10-2020, ông T có đơn khởi kiện tại Tòa án tỉnh Hòa Bình, đề nghị hủy Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T, yêu cầu xem xét các quyết định có liên quan (Quyết định số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình); yêu cầu áp giá cây Na là 43.000đ/1 cây theo mức giá năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014. Ngày 14-5-2021, ông T có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông (lần hai). Quá trình giải quyết vụ án, ông T đề nghị: Năm 2018 đã được nhận bồi thường 90%, còn lại 10% yêu cầu tiếp tục trả và tính lãi theo lãi suất thuê của số tiền được đền bù.

***Người bị kiện - Chủ tịch UBND huyện Y T trình bày (văn bản ngày 10-11-2020 (không số) V/v quan điểm đối với nội dung khởi kiện của 21 người trong đó có ông Phạm Văn T)***

Ngày 01-8-2008, Nông trường 2/9 Hòa Bình, nay là Công ty TNHH MTV 2/9 Hòa Bình (gọi tắt là Công ty 2/9) ký Hợp đồng giao khoán sử dụng đất vào mục đích sản xuất nông nghiệp với các hộ dân trong đó có ông Phạm Văn T, hợp đồng giao khoán không quá 30 năm đối với đất trồng cây lâu năm và 20 năm đối với đất trồng cây hàng năm.

Ngày 02-6-2015, UBND tỉnh Hòa Bình ủy quyền cho UBND huyện ban hành quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với

các trường hợp thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai năm 2013, theo quyết định số 15/2015/QĐ-UBND (kèm theo quyết định số 24).

Ngày 23-12-2016, UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND, thu hồi đất để phát triển Kinh tế - Xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng và Quyết định số 2732/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 4) dự án: Xây dựng khu công nghiệp L T (khu đất 77,4 ha).

Ngày 20-6-2019, ông Nguyễn Việt Bắc đại diện cho 40 người khiếu nại trong đó có ông Phạm Văn T, khiếu nại một số nội dung liên quan đến việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB KCN L T (khu đất 77,4 ha). Ngày 01-10-2019, Chủ tịch UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 1908/QĐ-UBND, giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần đầu) các nội dung đúng như người khởi kiện là ông T trình bày.

*Lý do năm 2011 đã thực hiện kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất (khu đất 7,4ha) nhưng đến ngày 23-12-2016 mới ban hành Quyết định về thu hồi đất và Quyết định về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:*

Ngày 23-5-2011, UBND tỉnh Hòa Bình ban hành văn bản số: 89/UBND-ĐT, chủ trương cho Tập đoàn BTG Slovensko đầu tư KCN L T, xã L T, huyện Y T, để Tập đoàn BTG xây dựng 04 nhà máy: Nhà máy sản xuất bia, nhà máy sản xuất nồi hơi cho nhà máy nhiệt điện, nhà máy sản xuất vật liệu cách nhiệt bằng bông, sợi khoáng và nhà máy nhiệt điện.

Ngày 29-6-2011, UBND huyện Y T ban hành Thông báo số 147/TB-UBND V/v thu hồi đất thực hiện xây dựng KCN L T, Y T. Quý IV năm 2011 đã kiểm kê xong diện tích đất, tài sản trên đất đối với 13,7 ha (gồm khu đất 36,30 ha và 77,40 ha) do Công ty 2/9 quản lý giao khoán cho các hộ.

Ngày 11-9-2011, UBND tỉnh Hòa Bình đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với khu đất diện tích 36,30 ha tại Quyết định số 1230/QĐ-UBND. Đối với khu đất 77,40 ha đã kiểm đếm năm 2011 nhưng chưa công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và chưa thực hiện phê duyệt phương án bồi thường. Nguyên nhân do Nhà đầu tư không bố trí kinh phí và liên tục thay đổi nhân sự, thậm chí còn có thông tin Nhà đầu tư không tiếp tục thực hiện dự án do biến động của Công ty mẹ ở nước ngoài. Ngày 29-9-2016 Văn phòng UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Thông báo số 5028/TB-VPUBND, thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Hòa Bình, gia hạn thời gian thực hiện Dự án nhà máy Bia Tiệp và dự án đầu tư hạ tầng KCN L T, huyện Y T.

Tháng 12 năm 2016, UBND huyện Y T tiếp tục thực hiện công tác GPMB đối với khu đất 77,40 ha. Về số liệu kiểm kê đất, tài sản trong phương án bồi thường GPMB thực hiện theo hồ sơ kiểm kê từ năm 2011 *(do tại thời điểm năm 2016, hiện trạng mặt bằng khu đất của các hộ đã thay đổi không còn tài sản, cây cối*

*hoa màu trên đất và người dân cũng không có ý kiến về việc tiếp tục sử dụng số liệu kiểm kê từ năm 2011 để lập phương án bồi thường, hỗ trợ).*

Về cơ chế chính sách bồi thường, GPMB theo quy định của Chính phủ và các văn bản quy định của UBND tỉnh Hòa Bình tại thời năm 2016. Phương án bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 77,40ha đất nêu trên đã được Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB KCN L T thực hiện công khai đến người dân.

Đối với việc các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do chấp hành Thông báo thu hồi đất, ngừng sản xuất từ năm 2012 nhưng chưa được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB, UBND huyện Y T đã báo cáo, trình UBND tỉnh phê duyệt chính sách hỗ trợ khác do ngừng sản xuất tại Quyết định số 2905/QĐ-UBND ngày 15-11-2016, mức hỗ trợ là 2.750 đồng/m<sup>2</sup>/năm trong thời gian 5 năm (từ năm 2012 đến năm 2016). Đến ngày 23-12-2016, UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 2732/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với khu đất 77,40 ha.

*Về đơn giá cây Na khi phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất 77,40 ha khác với khu đất 36,30 ha*

Đối với khu đất 36,30 ha: Năm 2012, UBND huyện Y T phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất 36,30 ha, căn cứ các văn bản: Luật Đất đai năm 2003; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004, Nghị định số 84/2007/ NĐ-CP ngày 25-5-2007, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 của Chính phủ; Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 19-9-2011 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành “Bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi Nhà nước thu hồi đất” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình. (Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND xác định đơn giá cây Na mới trồng dưới 01 năm là 30.000 đồng/cây).

Đối với khu đất 77,40 ha: Tháng 12 năm 2016, UBND huyện phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB khu đất 77, 40 ha đã áp dụng các văn bản: Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định số 47/2014/NĐ-CP), Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30-6-2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định liên quan trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành “Bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi Nhà nước thu hồi đất” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (*thay thế Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 19-9-2011*) và Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14-6-2016 về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại Phụ lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Hòa Bình. Theo Quyết định số 11/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định, đơn giá bồi thường đối với “Cây na mới trồng dưới 1 năm” (*cây na được kiểm kê năm 2011 theo thông báo thu hồi đất số 147/TB-UBND ngày 29-6-2011 của Ủy ban nhân*

dân huyện Y T) không quy định cụ thể mà chỉ có đơn giá của các cây na: Chưa có quả, cây đã cho thu bói, cây đã cho thu hoạch và cây giống trong vườn ươm là 5.000 đồng/cây.

Theo số liệu kiểm kê từ năm 2011, cây Na mới trồng dưới 01 năm của các hộ chưa đến giai đoạn trưởng thành, có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 0,5m thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm) được trồng với mật độ dày; trồng xen (trồng dưới tán cây ăn quả khác, xen trong chè) và trồng trên phần diện tích đã trồng mía, sắn, ngô và cây hàng năm khác, mật độ bình quân là 5.337 cây/ha, có nhiều hộ trồng mật độ rất dày trên 10.000 cây/ha không theo đúng quy trình kỹ thuật về trồng trọt (Theo Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hòa Bình, quy trình kỹ thuật để cây sinh trưởng và phát triển tốt nhất, cho hiệu quả kinh tế cao nhất, mật độ cây là từ 800 đến 1.300 cây/ha và các Quy trình khuyến nông của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Với mật độ dày và nhiều chủng loại cây trồng trên cùng thửa đất, khi cây na bước vào thời kỳ trưởng thành (trên 1 năm) cây không đảm bảo sinh trưởng, phát triển bình thường, một số có thể chết do cạnh tranh ánh sáng, nguồn thức ăn, số còn lại không cho hiệu quả kinh tế. Bên cạnh đó đối với các loại cây trồng đang sinh trưởng, phát triển tốt như: Cây ăn quả khác, chè, mía, sắn, ngô và cây hàng năm khác trên cùng diện tích đất thu hồi (được trồng trước thời điểm trồng cây na) đã được đền bù 100% theo diện tích các loại cây đã được kiểm kê (Tổng diện tích đền bù của các loại cây trồng này đều bằng và lớn hơn diện tích của thửa đất bị thu hồi có trồng cây na). Ngoài ra, khi Hội đồng giải phóng mặt bằng kiểm kê khu đất 77,40 ha thì các hộ đã thực hiện trồng xen cây, tài sản trên đất tăng lên nhiều so với khu đất 36,3 ha. Đối với cây Na mới trồng dưới 1 năm của các hộ dân ngoài thực địa trồng rất dày, số lượng nhiều có sức sinh trưởng, phát triển (tuổi cây, độ cao, đường kính thân) chỉ tương đương với cây trong vườn ươm đã đủ điều kiện xuất vườn. Qua đó cho thấy có dấu hiệu các hộ dân trồng cây với mục đích trục lợi chính sách bồi thường, GPMB.

Trên cơ sở hướng dẫn tại Công văn số 64/BCĐ-GPMB ngày 06-9-2011 của Ban Chỉ đạo công tác bồi thường, GPMB và hỗ trợ tái định cư về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án KCN L T, huyện Y T, căn cứ biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất và cơ chế, chính sách bồi thường tại thời điểm năm 2016. Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB KCN L T khi lập phương án bồi thường đã áp dụng đơn giá đối với cây na dai mới trồng dưới 01 năm theo đơn giá cây na dai trong vườn ươm 5.000 đồng/cây theo đúng quy định tại Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14-6-2016 của UBND tỉnh Hòa Bình.

Đối với nội dung mức chi trả hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 2,5 lần giá đất nông nghiệp giảm xuống

*còn 01 lần; Mức chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất từ 100% giá đất nông nghiệp xuống còn 10%.*

Đối với nội dung mức chi trả hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ 2,5 lần giá đất nông nghiệp giảm xuống còn 01 lần:

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất, Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Hoà Bình (gọi tắt là Quyết định số 24/2014) V/v ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12-5-2016 (gọi tắt là Quyết định số 16/2016) về việc sửa đổi Khoản 3 Điều 15; khoản 1 Điều 16 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014.

Điểm b Khoản 2 Điều 1 quy định về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 16: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp bằng 01 lần giá đất nông nghiệp đối với đất trồng cây hàng năm khác (đất trồng 01 vụ lúa, đất màu, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản và đất nông nghiệp khác. Việc Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư KCN L T, huyện Y T áp dụng mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi đất cho các hộ nhận khoán với mức bằng 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại Quyết định số 16/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình. Đối với mức chi trả tiền hỗ trợ sản xuất từ 100% giá đất nông nghiệp xuống còn 10%, do các hộ nhận khoán không có hồ sơ, tài liệu, hóa đơn chứng từ chứng minh việc đầu tư vào sản xuất nông nghiệp, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư KCN L T áp dụng đúng quy định tại Quyết định số 16/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình.

Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện Y T là khách quan, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

***Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình trình bày:***

*(Văn bản số: 463/UBND-NC ngày 31-03-2021 V/v ý kiến đối với nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn T (bổ sung); văn bản số: 1266/UBND-NC ngày 22-7-2021 V/v ý kiến đối với việc giải quyết vụ án hành chính; văn bản số 1660/UBND-NC ngày 10-9-2021 V/v quan điểm đối với nội dung khởi kiện của ông Phạm Văn T)*

Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình trình bày thống nhất với ý kiến trình bày của Chủ tịch UBND huyện Y T.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND tỉnh Hòa Bình):***

Các văn bản do UBND tỉnh ban hành có liên quan đến bồi thường, hỗ trợ GPMB KCN L T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y T trình bày (văn bản số 20/HĐGPMB ngày 10-3-2021).***

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư KCN L T nhận thấy các quyết định giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện Y T, Ủy Ban nhân dân tỉnh Hòa Bình là khách quan, đúng trình tự, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty TNHH MTV 2-9 Hòa Bình trình bày (văn bản số 22/CV-Cty ngày 16-03-2021, văn bản số 24/CV-Cty ngày 22-3-2021 của Công ty 2/9 Hòa Bình).***

Khu công nghiệp L T huyện Y T được triển khai từ tháng 6/2011 trên diện tích đất do Công ty quản lý. Hội đồng bồi thường, GPMB triển khai đo đạc, kiểm đếm và lên phương án bồi thường cho các đối tượng bị ảnh hưởng do thu hồi đất để phục vụ dự án KCN L T. Công ty đã thực hiện bàn giao toàn bộ diện tích đất nằm trong dự án KCN L T theo đúng tiến độ, đúng quy định.

***Ý kiến trình bày của ông Tạ Huy H đại diện cho bà Nguyễn Thị C và chị Đinh Thị Lệ N (mẹ, vợ ông T):*** Trình bày thống nhất với nội dung của người khởi kiện là ông T.

***Ý kiến trình bày của Luật sư Trần Dũng T - người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện Y T:***

UBND huyện Y T thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo văn bản của UBND tỉnh. Năm 2011 kiểm đếm tài sản trên đất trong đó có cây Na, ông T đã ký biên bản. Năm 2016, thực hiện việc thu hồi đất, lập phương án bồi thường, chính sách bồi thường là Luật Đất đai, Nghị định của Chính phủ, Thông Tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND tỉnh Hòa Bình tại thời điểm thu hồi đất.

Việc UBND huyện áp giá cây na 5.000đ/cây được thực hiện theo Quyết định số 11/2016; hỗ trợ chuyển đổi nghề và hỗ trợ ổn định cuộc sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng được thực hiện theo Quyết định số 16/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình, sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 14/2014 của UBND tỉnh, là có căn cứ đúng pháp luật. Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện Y T lần đầu đối với ông T là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ đơn khởi kiện của người khởi kiện là ông T.

***Luật sư Phan Ngọc Q bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Người khởi kiện trình bày:***

Theo quy định của Nghị định số 47/NĐ-CP của Chính phủ, UBND tỉnh Hòa Bình có quyền quy định về giá đất nhưng quyết định gây ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người dân. Việc kiểm đếm tài sản và cây trồng trên đất được thực hiện vào cuối năm 2011 trong đó có cây Na dai mới trồng, đến nay cây Na không còn. Việc bồi thường, hỗ trợ chậm do nhà đầu tư không bố trí được vốn, lỗi không phải của người dân. Đối với là 36,30 ha thì được bồi thường đầy đủ, còn 77,40 ha chậm thực hiện bồi thường thì quyền lợi của người dân bị ảnh hưởng. Lý do vì sao năm 2014 UBND tỉnh quy định mức giá cây Na là 43.000đ/1cây Na nhưng đến năm 2016 lại giảm xuống còn 5.000 đ/1 cây. Chính quyền công bố các mức hỗ trợ cho người dân có đất bị ảnh hưởng bởi dự án, người dân tin tưởng giao đất, nhưng khi thực hiện bồi thường lại sửa đổi mức hỗ trợ theo hướng giảm đi. Việc UBND tỉnh ban hành các quyết định về bồi thường, hỗ trợ cho người dân giảm đi so với mức giá đã công bố là không hợp lý. Đề nghị áp dụng mức giá như đã công khai.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 12 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 173, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T yêu cầu: “Huỷ Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và hủy quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 31-3-2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hoà Bình về việc giải quyết khiếu nại lần hai; buộc UBND huyện Y T và UBND tỉnh Hòa Bình chấp nhận khiếu nại về việc áp giá cây Na đã kiểm đếm năm 2011 được bồi thường với giá 43.000đ/cây; yêu cầu chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp; yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp”, do không có căn cứ pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2021, người khởi kiện ông Phạm Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

*Ý kiến của Người khởi kiện:* Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, hủy Quyết định số 1908/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T, hủy Quyết định số 680/QĐ-UBND, ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông (lần hai); yêu cầu áp giá cây Na là 43.000đ/1 cây theo mức giá năm 2014; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và

tìm kiếm việc làm là 2,5 lần giá đất nông nghiệp; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp như đã công bố năm 2014.

*Ý kiến của Người bị kiện:*

*Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, người đại diện theo ủy quyền có ý kiến:* Giữ nguyên các ý kiến đã cung cấp tại Tòa án cấp sơ thẩm, đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Phạm Văn T.

*Chủ tịch UBND huyện Y T, tỉnh Hòa Bình, người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Về nội dung khiếu nại của ông T đã được Chủ tịch UBND huyện Y T giải quyết khiếu nại lần đầu và đã có Văn bản nêu ý kiến gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ngày 01/3/2022, đã nêu cơ sở pháp luật, căn cứ hỗ trợ cho ông T. Đồng ý với Bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Y T:* Việc thống kê, kiểm đếm tài sản bị thu hồi và thực hiện các thủ tục bồi thường, hỗ trợ cho ông Phạm Văn T đúng quy định, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính

Về nội dung kháng cáo:

- Về yêu cầu hủy Quyết định 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình:

Về hình thức, thẩm quyền và trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình đúng quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2011, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Nghị định số 75 ngày 03/10/2012 của Chính phủ, Thông tư số 07 ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ;

Về nội dung: Về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư năm 2016 của UBND tỉnh Hòa Bình áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, trong đó có: Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 về việc ban hành “Bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi Nhà nước thu hồi đất” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (thay thế Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 19/9/2011); Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14-6-2016 về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại Phụ lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 (áp giá bồi thường đối với cây Na

mới trồng dưới 01 năm (*Cây na được kiểm kê năm 2011 theo thông báo thu hồi đất số 147/TB-UBND ngày 29-6-2011 của Ủy ban nhân dân huyện Y T*) là 5.000 đồng/cây; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12-5-2016 về việc sửa đổi Khoản 3 Điều 15; Khoản 1 Điều 16 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Hòa Bình, quy định: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi. Sửa đổi khoản 3 Điều 15: Mức hỗ trợ sản xuất bằng 10% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi.

Việc bồi thường đối với cây na dai mới trồng cho hộ ông Phạm Văn T 5.000đ/cây; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi và hỗ trợ sản xuất bằng 10% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi cho hộ ông Phạm Văn T đúng với các quy định và chính sách bồi thường, hỗ trợ nêu trên.

Từ các căn cứ nêu trên, ông Phạm Văn T kháng cáo yêu cầu hủy Quyết định 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình; áp giá bồi thường đối với cây na dai 43.000đ/cây; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi và hỗ trợ sản xuất bằng 100% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Người khởi kiện hợp lệ, được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xác định đối tượng khởi kiện là Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 680/QĐ-UBND, ngày 31/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về việc giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần hai) là Quyết định Hành chính bị kiện, ông Phạm Văn T có quyền khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Tòa án tỉnh Hòa Bình là đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính (gọi tắt là Luật TTHC).

[3] Ngày 31-03-2020, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ban hành Quyết định số 680/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T lần hai (Quyết định số 1908/QĐ-UBND ngày 01-10-2019 của Chủ tịch UBND huyện Y T giải quyết khiếu nại lần đầu). Ngày 20-8-2020, tập thể 21 người cùng ký đơn khởi kiện vụ án hành chính gửi Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình trong đó có ông T. Như vậy, đảm bảo thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[4] Xét nội dung kháng cáo của Người khởi kiện, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận kháng cáo, chấp nhận yêu cầu khởi kiện: Hủy Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T; yêu cầu được áp giá cây Na là 43.000đ/1 cây; chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp; chi trả tiền hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp. Hội đồng xét xử thấy:

[5] Về tính hợp pháp của Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình:

[6] Về hình thức, thẩm quyền ban hành, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, Hội đồng xét xử thấy:

[7] Ngày 02/6/2015 UBND tỉnh Hòa Bình ủy quyền cho UBND huyện ra quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

[8] Ngày 23/12/2016 UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND V/v thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng dự án: Xây dựng KCN L T (khu đất 77,40 ha) và Quyết định số 2732/QĐ-UBND V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 4) dự án: Xây dựng KCN L T (khu đất 77,4ha).

[9] Sau khi chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án, ngày 08/7/2019, UBND huyện Y T nhận được đơn của 10 ông bà đại diện cho 40 công dân khu phố 1, 2, 3, 4 thị trấn H T, huyện Y T, khiếu nại việc chi trả bồi thường KCN L T chưa thỏa đáng trong đó có ông Phạm Văn T.

[10] Ngày 09/7/2019, Chủ tịch UBND huyện Y T ban hành văn bản số 148/VP-TH V/v giải quyết khiếu nại của công dân khu phố 1, 2, 3, 4; chỉ đạo Thanh tra huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho UBND huyện, kiểm tra, xác minh nội dung đơn khiếu nại, báo cáo UBND huyện trước ngày 29/8/2019.

[11] Ngày 02/8/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 1628/QĐ-UBND V/v thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại (gọi tắt là Đoàn xác minh). Ngày 13/9/2019, UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 1776/QĐ-UBND V/v gia hạn thời gian xác minh của Đoàn xác minh. Ngày 25/9/2019, Đoàn xác minh có Báo cáo số 34/BC-ĐXM Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại gửi UBND huyện. Ngày 28/9/2019, Chủ tịch UBND huyện Y T đã chủ trì buổi đối thoại với đại diện 40 hộ dân có khiếu nại, tham gia buổi đối thoại có các thành phần trong Đoàn xác minh. Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND huyện Y T ký ban hành Quyết định số 1908/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần đầu). Không đồng ý, ngày 21/10/2019, ông T khiếu nại Quyết định số 1908 đến Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình. Trên cơ sở Báo cáo số 33/BC-STNMT của Sở TN & MT, Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ký ban hành Quyết định số 680 giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần hai).

[12] Như vậy, có căn cứ xác định Chủ tịch UBND huyện Y T ký ban hành Quyết định số 1908 giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần đầu) và Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình ký ban hành Quyết định số 680 giải quyết khiếu nại của ông Phạm Văn T (lần hai) là đúng thẩm quyền, đúng hình thức văn bản khi giải quyết khiếu nại và đúng trình tự, thủ tục ban hành, quy định tại Điều 29, 30, 31, 36, 37, 40 của Luật khiếu nại năm 2011, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[13] *Về nội dung Quyết định giải quyết khiếu nại số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và định giải quyết khiếu nại số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình.* Hội đồng xét xử xét thấy:

[14] Năm 2011, UBND tỉnh Hòa Bình đã kiểm đếm tài sản trên diện tích khu đất 77,40 ha nhưng vì lý do khách quan nên chưa công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và chưa thực hiện phê duyệt phương án bồi thường.

[15] Tháng 12 năm 2016, UBND huyện Y T ban hành Quyết định số 2731/QĐ-UBND V/v thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng và Quyết định số 2732/QĐ-UBND V/v phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB (đợt 4) dự án: Xây dựng KCN L T (khu đất 77,40 ha).

[16] Về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư năm 2016 của UBND tỉnh Hòa Bình áp dụng chung trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, trong đó có: Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 về việc ban hành “Bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi Nhà nước thu hồi đất” trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (*thay thế Quyết định số 19/2011/QĐ-UBND ngày 19/9/2011*); Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND

ngày 14-6-2016 về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại Phụ lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 (áp giá bồi thường đối với cây Na mới trồng dưới 01 năm (*Cây na được kiểm kê năm 2011 theo thông báo thu hồi đất số 147/TB-UBND ngày 29-6-2011 của Ủy ban nhân dân huyện Y T*) là 5.000 đồng/cây; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12-5-2016 về việc sửa đổi Khoản 3 Điều 15; Khoản 1 Điều 16 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình, quy định: Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi. Sửa đổi khoản 3 Điều 15: Mức hỗ trợ sản xuất bằng 10% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi.

[17] *Đối với việc giải quyết khiếu nại thứ nhất:* Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông Phạm Văn T đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Y T và quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình về nội dung khiếu nại thứ nhất (Hợp đồng giao khoán giữa Nông trường 2/9 với các hộ dân là Hợp đồng dân sự, không thuộc thẩm quyền giải quyết khiếu nại).

[18] *Đối với việc giải quyết khiếu nại thứ hai:* Theo Biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất năm 2011, hộ gia đình ông Phạm Văn T có 2.449 cây Na dai mới trồng dưới 01 năm, cây có kích thước nhỏ, độ cao trung bình 0,2m đến 01m, thân cây nhỏ (đường kính từ 0,5cm - 1cm); chưa đến giai đoạn trưởng thành; chưa cho thu hoạch; mật độ quá dày không đảm bảo theo hướng dẫn tại Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15/9/2015 của Sở Nông nghiệp & PTNT, đa phần là trồng xen (trồng dưới tán cây ăn quả khác, xen trong chè, xen trong mía, xen trong sắn,...) và các cây trồng chính đã được bồi thường 100%. Theo Công văn số 64/BCĐ-GPMB ngày 06/9/2011 của Ban chỉ đạo CT BT GPMB&HT TĐC về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Khu công nghiệp L T, huyện Y T, Công văn số 1088/SNN-BVTV ngày 15-9-2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc trả lời văn bản số 343/UBND-GPMB ngày 03/9/2015 của UBND huyện Y T và biên bản kiểm kê diện tích đất và tài sản trên đất thì đơn giá cây Na dai mới trồng dưới 1 năm của hộ ông Phạm Văn T được áp đơn giá theo đơn giá cây Na dai trong vườn ươm là 5.000 đồng/cây. Mặt khác, hợp đồng giao khoán là trồng Chè, Nhãn, Vải; hộ ông T trồng một số cây, trong đó có cây Na dưới 01 năm. Việc Hội đồng bồi thường áp giá cây Na dai 5.000 đồng/cây là đúng với Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình. Do vậy, nội dung

khởi kiện của ông T yêu cầu được áp giá bồi thường cây na 43.000đ/cây là không có cơ sở, nên không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

[19] *Đối với khiếu nại thứ 3 và thứ 4:* UBND tỉnh Hòa Bình căn cứ vào Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Bình, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; tại điểm a, b khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP, quy định: “a) *Hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi; diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương; b) Mức hỗ trợ cụ thể do UBND cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương*”. Căn cứ Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 về việc sửa đổi Khoản 3 Điều 15; Khoản 1 Điều 16 Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình ban hành kèm theo Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25/9/2014 của UBND tỉnh Hòa Bình, việc UBND huyện Y T chi hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình ông T được hỗ trợ bằng 01 lần giá đất nông nghiệp bị thu hồi và hỗ trợ sản xuất bằng 10% giá của loại đất nông nghiệp bị thu hồi, là đúng Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình. Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12/5/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình được ban hành đúng pháp luật, có hiệu lực tại thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông T. Do vậy, ông Phạm Văn T yêu cầu mức chi trả tiền hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm khi nhà nước thu hồi là 2,5 lần giá đất nông nghiệp, mức chi trả tiền hỗ trợ đời sống và sản xuất bằng 100% giá trị đất nông nghiệp, như công bố năm 2014 là không có căn cứ chấp nhận.

[20] *Đối với khiếu nại thứ năm:* Ông T đồng ý với việc giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện Y T và lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh.

[21] Từ các căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và nội dung Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và Quyết định số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình đúng quy định. Ông Phạm Văn T đề nghị hủy Quyết định số 1908 của Chủ tịch UBND huyện Y T và hủy Quyết định số 680 của Chủ tịch UBND tỉnh Hòa Bình, yêu cầu được áp giá cây Na 43.000đ/cây; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 2,5 lần giá đất nông nghiệp và hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất bằng 100% giá đất nông nghiệp là không có căn cứ.

[22] *Xét các quyết định có liên quan:*

- Đối với Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 của UBND huyện Y T về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng;

- Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 23-12-2016 của UBND huyện Y T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (đợt 4) Dự án Xây dựng Khu công nghiệp L T (khu đất 77,4ha);

- Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Hòa Bình quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc ban hành bộ đơn giá bồi thường đối với tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 02-6-2015 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi Điều 29 của Quyết định số 24 quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hòa Bình;

- Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 12-5-2016 của UBND tỉnh Hòa Bình sửa đổi khoản 3 Điều 15, khoản 1 Điều 16 của Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014;

- Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 14-6-2016 của UBND tỉnh Hòa Bình về việc bổ sung vào mục IV nhóm cây ăn quả tại phức lục IV đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 25-9-2014;

[23] Hội đồng xét xử, xét thấy các Quyết định nêu trên được UBND tỉnh Hòa Bình, UBND huyện Y T ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, hình thức theo đúng quy định của pháp luật. Bản án sơ thẩm quyết định bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định. Ông Phạm Văn T kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ mới, do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn T.

[24] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có cùng quan điểm với nhận định của Hội đồng xét xử, đề nghị bác toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Văn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[25] Án phí: Ông Phạm Văn T kháng cáo không được chấp nhận, do vậy, phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của ông Phạm Văn T; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 18/2021/HC-ST ngày 12/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí: ông Phạm Văn T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0000977 ngày 26/10/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hoa**